

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 1960

LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Căn cứ vào Điều 42 của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà quy định bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, và công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc;

Để củng cố quốc phòng, giữ gìn hoà bình, bảo vệ thành quả của cách mạng và sự nghiệp lao động hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội;

Để phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân, phát huy thắng lợi của chế độ tình nguyện tòng quân trước đây, nâng cao ý thức quốc phòng, phổ cập trí thức quân sự trong nhân dân;

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang của nhân dân;

Nay quy định chế độ nghĩa vụ quân sự như sau:

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đối với Tổ quốc.

Những công dân nam giới từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi, không phân biệt dân tộc, nghề nghiệp, tôn giáo, tín ngưỡng, thành phần xã hội và trình độ văn hoá, đều có nghĩa vụ quân sự.

Điều 2

Không được làm nghĩa vụ quân sự:

- Những người bị Toà án hoặc pháp luật tước quyền công dân;
- Những người đang ở trong thời gian bị giam giữ hoặc bị quản chế.

Điều 3

Nghĩa vụ quân sự chia làm hai ngạch: tại ngũ và dự bị. Làm nghĩa vụ quân sự là tham gia quân đội thường trực hoặc tham gia quân dự bị.

Điều 4

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị gồm có sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ.

Hạ sĩ quan và binh sĩ gồm các cấp bậc sau đây:

- Hạ sĩ quan: thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ.
- Binh sĩ: binh nhất, binh nhì.

Điều 5

Hạ sĩ quan và binh sĩ chuyển sang ngạch dự bị vẫn được giữ cấp bậc cũ.

Điều 6

Hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ trong ngạch dự bị đến hết bốn mươi lăm tuổi thì hết hạn làm nghĩa vụ quân sự.

Thời hạn phục vụ của sĩ quan theo như quy định trong luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 4 năm 1958.

Điều 7

Lứa tuổi tuyển vào quân đội thường trực trong thời bình ấn định từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi. Lứa tuổi tuyển vào quân đội thường trực trong thời chiến do Hội đồng quốc phòng ấn định.

Những người trong những lứa tuổi đó có thể lần lượt được gọi ra phục vụ tại ngũ.

Điều 8

Những quân nhân đang phục vụ theo chế độ tình nguyện sẽ dần dần được phục viên và chuyển sang dự bị hoặc giải ngạch nghĩa vụ quân sự.

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ PHỤC VỤ CỦA QUÂN NHÂN TẠI NGŨ

VÀ QUÂN NHÂN DỰ BỊ

Điều 9

Sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị phục vụ theo chế độ quy định trong luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 4 năm 1958, và những điều khoản có liên quan đến sĩ quan trong Luật này.

Điều 10

Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội lục quân là hai năm.

Đối với hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội không quân, hạ sĩ quan kỹ thuật và binh sĩ kỹ thuật trong bộ đội lục quân, hạ sĩ quan và binh sĩ công an nhân dân vũ trang, thì thời hạn phục vụ tại ngũ là ba năm.

Đối với hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội hải quân thì thời hạn phục vụ tại ngũ là bốn năm.

Điều 11

Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ có thể được điều động từ quân chủng, binh chủng này sang quân chủng, binh chủng khác; sang quân chủng, binh chủng nào thì theo thời hạn phục vụ ở quân chủng, binh chủng ấy. Thời gian đã phục vụ ở quân chủng, binh chủng, trước được tính vào thời hạn phục vụ ở quân chủng, binh chủng sau.

Điều 12

Hạ sĩ quan và binh sĩ đã hết hạn tại ngũ có thể tình nguyện đăng lại một thời hạn ít nhất là một năm.

Điều 13

Ngạch dự bị của hạ sĩ quan và binh sĩ chia làm hai hạng: dự bị hạng một và dự bị hạng hai.

Hạ sĩ quan và binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ được xếp vào dự bị hạng một. Những công dân khác trong lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự được xếp vào dự bị hạng hai.

Điều 14

Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ bị bệnh, bị thương, bị tàn phế phế, không còn đủ sức khoẻ để tiếp tục phục vụ trong quân đội, sau khi được thủ trưởng đơn vị bộ đội có thẩm quyền chuẩn y, thì được thoái ngũ.

Điều 15

Những quân nhân dự bị hết hạn tuổi làm nghĩa vụ quân sự, hoặc bị bệnh, bị thương, bị tàn phế, không còn đủ sức khoẻ để làm nghĩa vụ quân sự, sau khi được cơ quan quân sự có thẩm quyền chuẩn y, thì được giải ngạch nghĩa vụ quân sự.

CHƯƠNG III

ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ, THỐNG KÊ VÀ QUẢN LÝ QUÂN NHÂN DỰ BỊ

Điều 16

Hàng năm vào khoảng năm ngày đầu tháng giêng dương lịch, những công dân nam giới đủ mười tám tuổi tính đến ngày mùng 1 tháng giêng dương lịch, phải đến Uỷ ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố nơi mình ở để được kiểm tra sơ bộ thân thể và đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 17

Phụ nữ từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi có kỹ thuật chuyên môn cần cho quân đội cũng đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 18

Quân nhân phục viên khi về đến nơi ở hoặc nơi công tác phải đến cơ quan quân sự địa phương để đăng ký vào ngạch dự bị.

Điều 19

Quân nhân dự bị là công nhân, viên chức trong thời gian đi đăng ký nghĩa vụ quân sự vẫn được hưởng lương.

Điều 20

Những quân nhân dự bị khi hết hạn tuổi làm nghĩa vụ quân sự, khi không còn đủ sức khoẻ để tiếp tục làm nghĩa vụ quân sự, khi thay đổi trình độ văn hoá, nghề nghiệp, đơn vị công tác, chỗ ở, phải đến báo cáo với Uỷ ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố nơi mình ở xin giải ngạch nghĩa vụ quân sự hoặc thay đổi đăng ký.

Điều 21

Bộ Quốc phòng lãnh đạo việc đăng ký, thống kê và quản lý quân nhân dự bị trong toàn quốc.